

Số: 2624/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 16 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Liên danh Toàn Gia -
Thành Đạt ngày 28 tháng 9 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
930/TTr-TNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Liên danh Toàn Gia - Thành Đạt (bao gồm Công ty TNHH Toàn Gia và Công ty TNHH thương mại và vận tải Thành Đạt, đại diện Liên danh là Công ty TNHH Toàn Gia), địa chỉ tại Cụm công nghiệp Tráng Liệt, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu dân cư mới xã Tráng Liệt, huyện Bình Giang tại thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “Khu dân cư mới xã Tráng Liệt, huyện Bình Giang”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800382439 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/01/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 26/12/2019.

1.4. Mã số thuế: 0800382439.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ

thuật khu dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích khu dân cư là 139.370 m² bao gồm: đất ở dân cư 53.583,0 m²; đất cây xanh 4.869,0 m²; đất công trình công cộng 5.424,0 m²; đất di tích 6.462,0 m²; đất đường giao thông + hạ tầng kỹ thuật 57.770,3 m²; đất nghĩa trang hiện có 2.328,0 m²; đất ở hiện trạng 8.934,0 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Dân số: 2.000 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Liên danh Toàn Gia - Thành Đạt có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, UBND huyện Bình Giang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Liên danh Toàn Gia - Thành Đạt;
- Chủ tịch UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Bình Giang;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2624/GPMT-UBND
ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu công cộng (trường mầm non, khu thể thao, dịch vụ) trong khu dân cư.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: Là dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, lưu lượng tối đa 400m³/ngày.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực phía Đông Nam khu dân cư thuộc thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực phía Đông Nam khu dân cư thuộc thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰): X (m) = 2312058; Y(m) = 567143.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 400 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý theo đường cống BTCT D400 dài 74m, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa tại khu vực góc Đông Nam của khu dân cư (đường cống BTCT D1200 dài 142m) ra cửa xả, xả ra ngoài môi trường.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 14:2008/BTNMT mức B, giá trị Cmax với hệ số K = 1,0 cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5÷9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		
4	TDS	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat	mg/l	10		
11	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt tại các công trình (*hộ dân, trường mầm non, khu dịch vụ thể thao, ki ốt thương mại,...*) được thu gom bằng hệ thống cống tròn bê tông cốt thép D400 có tổng chiều dài 2.967m, đặt dưới vỉa hè dọc theo các tuyến đường thu gom nước thải từ các phân khu, độ dốc 0,1%, tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm phía Đông khu dân cư. Trên toàn hệ thống bố trí 334 hố ga để lắng cặn, kích thước hố ga 1,04×1,04m, đặt sâu 1,5-2,2m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Công trình xử lý nước thải sơ bộ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt tại các công trình. Toàn bộ nước thải sau đó theo đường ống dẫn nổi vào hệ thống xử lý nước thải chung của dự án.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể lắng sơ cấp → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → hệ thống thoát nước chung của khu vực phía Đông Nam khu dân cư.

- Công suất thiết kế hệ thống: 400m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật các bể: Bể thu gom số 01 thể tích 4,2m³; bể thu gom số 02 thể tích 21,1m³; bể lắng sơ bộ kết hợp tách dầu mỡ số 01 thể tích 31,7 m³; bể lắng sơ bộ số 02 thể tích 11,7m³; bể điều hoà số 01 thể tích 37,2 m³; bể điều hoà số 02 thể tích 94,6 m³; bể thiếu khí thể tích 81 m³; bể hiếu khí số 01 thể tích 81m³; bể hiếu khí số 02 thể tích 81m³; bể lắng thể tích 81 m³; bể khử trùng thể tích 10,4m³; bể chứa bùn thể tích 23,4 m³; bể chứa váng thể tích 9,8 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Nước Javen 7-9%: 70,5g/m³ nước thải/ngày.

+ Chế phẩm BIO-S: 100g/ m³ nước thải/10 ngày.

+ Mật rỉ đường: 0,4kg/ngày.

1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: 02 bơm nước thải 0,75kW; 01 máy thổi khí 7,5kW, 01 bơm hút bùn 0,75kW, 01 bơm định lượng hóa chất 45kW để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Thường xuyên nạo vét, vệ sinh các bể xử lý và vận chuyển bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

+ Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời để phát hiện sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại khu dân cư hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Khi xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố, đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt ngừng hoạt động xả nước thải, nước thải được lưu giữ tạm thời tại các bể, sau khi sửa chữa xong sẽ được bơm lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Trường hợp thời gian khắc phục sự cố dài, bể không còn khả năng lưu chứa, Liên danh sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điểm h, khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc đối tượng không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt mức B của QCVN 14:2008/BTNMT (C_{\max} với $K=1,0$) trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực phía Đông Nam khu dân cư.

3.3. Trong quá trình xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực phía Đông Nam khu dân cư nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước tiếp nhận, Liên danh phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của khu dân cư.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.6. Liên danh Toàn Gia - Thành Đạt chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2624/GPMT-UBND
ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Toạ độ vị trí (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

$$X(m) = 2312172 ; Y(m) = 567174.$$

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ, thay thế thiết bị gây tiếng ồn lớn hơn tiêu chuẩn cho phép.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 3-6 tháng/lần.

- Các thiết bị máy: máy thổi khí, bơm, máy nén khí,... được đặt bên trong nhà điều hành hệ thống, nhà điều hành được xây dựng kết cấu chắc chắn, tường gạch, móng, mái BTCT giúp bảo quản các thiết bị đồng thời hạn chế tiếng ồn, độ rung của thiết bị..

- Duy trì mật độ cây xanh theo đúng diện tích quy hoạch đã được duyệt để giảm tiếng ồn đồng thời tạo cảnh quan.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục III

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2624/GPMT-UBND
ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin, ắc quy	Rắn	100	16 01 12
2	Sản phẩm điện tử hỏng chứa thành phần nguy hại	Rắn	100	19 02 06
3	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	50	16 01 06
4	Các thiết bị điện, bóng đèn led	Rắn	100	16 01 13
5	Bao bì mềm thải dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	45	18 01 01
6	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	50	18 01 03
7	Giẻ lau, vải bảo vệ dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	30	18 02 01
Tổng			475	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 423,4 tấn/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn khác

- Bùn thải từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải: 18,8 tấn/năm.
- CTR là lá cây, bụi đất từ hoạt động vệ sinh sân đường nội bộ: 35,5 tấn/năm.
- Bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước: 11,5 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại trong quá trình bảo dưỡng hệ thống điện, đèn chiếu sáng,... do công nhân của ngành điện lực trực tiếp thu gom và vận chuyển về Chi nhánh điện huyện Bình Giang để chờ xử lý.

- Đối với CTNH từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân: tiến hành phân loại và thu gom riêng, đơn vị thu gom rác thải địa phương sẽ thu gom và vận chuyển đi xử lý.

- Đối với CTNH từ hoạt động chăm sóc cây xanh được đơn vị chăm sóc cây xanh thu gom mang đi xử lý.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình: Hàng ngày, đến giờ quy định người dân mang rác đổ lên xe thu gom của đơn vị thu gom rác thải địa phương.

- Chất thải rắn khu vực công cộng: bố trí các thùng rác chuyên dụng có nắp đậy đặt tại khu vực công cộng, định kỳ hàng ngày được đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ 01 bãi tập kết rác tạm thời nằm ở góc phía Đông Nam của khu dân cư, có diện tích là 150m². Bố trí 01 thùng chứa rác gia công bằng sắt dung tích khoảng 500lít đặt tại khu vực bố trí bãi rác tạm thời trên.

+ Bố trí 50 thùng chứa rác dung tích 150lít tại các khu vực nhà dân, khu dịch vụ và khu công cộng.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn khác

- Bùn thải từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải: Khi khối lượng bùn thải lớn, sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, mang đi xử lý.

- Đối với CTR là lá cây, bụi đất từ hoạt động vệ sinh sân đường nội bộ: Hàng ngày các nhân viên quét dọn vệ sinh tiến hành vệ sinh tuyến đường nội bộ, thu gom bằng xe đẩy tay sau đó vận chuyển chất tải lên xe ép rác của địa phương mang đi xử lý.

- Bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước: Định kỳ 6 tháng/lần tiến hành thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục IV

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2624/GPMT-UBND
ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Liên danh Toàn Gia - Thành Đạt đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu dân cư mới xã Tráng Liệt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương”.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư hoặc chủ dự án đầu tư thì chủ dự án đầu tư có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho UBND tỉnh để được cấp đổi giấy phép.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép theo mức A của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.